

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ H  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 25/01/2021  
(V/v Tranh chấp ly hôn)

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ H - TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thạch Thị Ngọc Bích

*Các hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông Nguyễn Hoàng Toàn

2/. Ông Nguyễn Minh Hoàng

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ H ,  
tỉnh Bạc Liêu.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ H tham gia phiên tòa:*** Ông  
Nguyễn Trung Thai, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ H xét xử  
sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 573/2020/TLST-HNGĐ  
ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo quyết định đưa vụ  
án ra xét xử số: 191/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 giữa các  
Đ sự:

1/. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thu Tr , sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp Minh Đ , xã Long Điền Đ , huyện Đ H , tỉnh Bạc Liêu

2/. *Bị đơn:* Anh Phạm Minh Đ , sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp Minh Đ , xã Long Điền Đ , huyện Đ H , tỉnh Bạc Liêu

*(Chị Tr có đơn xin vắng mặt, anh Đ vắng mặt không có lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 28/10/2020, lời khai trong quá trình tố tụng,  
nguyên đơn chị Nguyễn Thu Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Minh Đ chung sống với nhau vào  
năm 1996, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân  
dân xã Long Điền Đ , huyện Đ H , tỉnh Bạc Liêu vào ngày 23/4/2003 và đã được  
cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo chị Tr xác định: Trong thời gian chung sống vợ  
chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống khiến cuộc  
sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 cho  
đến nay, không quan tâm nhau, không tìm được biện pháp hàn gắn cuộc sống vợ  
chồng, gia đình cũng có hòa giải cho vợ chồng nhưng không thành. Nay chị xác

định không còn tình cảm với anh Đ nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Phạm Minh Đ .

Về con chung: Chị Tr xác định vợ chồng chị có 02 người con chung tên Phạm Minh Kh , sinh năm 1997 và Phạm Mỹ D , sinh năm 2000. Hiện nay các con đã trưởng thành tự lo cho bản thân nên khi ly hôn không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Tr xác định vợ chồng đã thỏa thuận xong nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Tr xác định vợ chồng không có nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với anh Phạm Minh Đ : Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Đ vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án, và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với anh Đ theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn anh Phạm Minh Đ chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Chị Tr và anh Đ kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng do thời gian chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, anh chị đã sống ly thân từ năm 2013 nhưng không tìm được biện pháp hàn gắn cuộc sống vợ chồng, hiện tại chị Tr xác định không còn tình cảm với anh Đ . Điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của chị Tr và anh Đ nếu tiếp tục kéo dài thì cũng không còn hạnh phúc nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Tr được ly hôn với anh Đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Các con của chị Tr và anh Đ đã trưởng thành tự lo cho bản thân nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Tr xác định vợ chồng đã thỏa thuận xong nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Tr xác định vợ chồng không có nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình chị Tr phải chịu theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thu Tr có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh Đ . Anh Phạm Minh Đ có địa chỉ cư trú tại huyện Đ H . Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

Chị Tr có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Tr .

Anh Phạm Minh Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh Đ vẫn vắng mặt mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Phạm Minh Đ .

[2] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thu Tr và anh Phạm Minh Đ chung sống với nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân xã Long Điền Đông, huyện Đ H , tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 23/4/2003 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Tr đối với anh Đ thì Hội đồng xét xử thấy rằng: mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc nhau, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Nhưng trong thời gian chung sống chị Tr và anh Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn lại được. Quá trình hòa giải tại Tòa án, anh Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy anh Đ không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng của chị Tr và anh Đ không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc, nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr đối với anh Đ là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị Tr xác định trong thời gian chung sống anh chị có 02 người con chung tên Phạm Minh Kh , sinh năm 1997 và Phạm Mỹ D , sinh năm 2000. Hiện nay các con đã trưởng thành, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên chị không đặt ra xem xét giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Tr xác định vợ chồng đã thỏa thuận xong nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Tr xác định vợ chồng không có nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Tr phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thu Tr ; Xử cho chị Nguyễn Thu Tr được ly hôn với anh Phạm Minh Đ .

2/. Về con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí: Chị Nguyễn Thu Tr phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008067 ngày 18 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ H .

Án xử sơ thẩm công khai báo cho chị Nguyễn Thu Tr và anh Phạm Minh Đ được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ H ;
- Chi cục THADS huyện Đ H ;
- UBND xã Long Điền Đ ;
- Các Đ sự;
- Lưu HS vụ án;

**Thạch Thị Ngọc Bích**

